

Số: 1888 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
UBND cấp huyện, UBND cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 1804/ TTr-SNN ngày 27/7/2020 về việc công bố thủ tục hành chính ban
hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT,
UBND cấp huyện, UBND cấp xã.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Website tỉnh, Website VPUBND tỉnh;
- Lưu VP1, VP11.

Ph

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____/7/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

I. Thủ tục hành chính ban hành mới:

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thẩm quyền quyết định	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- 25 ngày làm việc đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung. - 10 ngày làm việc đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng.	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lệ phí: Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ.	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lệ phí: Không	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lệ phí: không	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lệ phí: không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính Phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

5	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới. - 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.
6	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 230.000/lần	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Không	- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y; - Thông tư 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi bổ sung bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức

						thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.
9	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 900.000 đồng/lần	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.
10	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	20 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
11	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	20 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
12	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.
13	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.

14	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng; - 17 ngày: đối với trường hợp còn lại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	
15	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	02 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Không	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.
16	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
17	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
18	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng	13 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Phí: 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong công tác thú y.

	nhận					
19	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản</p>	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	<p>- Mục III Thông tư số 285/2016/T T-BTC.</p> <p>- Phụ lục II Biểu khung gia dịch vụ chẩn đoán thú y ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/T T-BTC</p>	<p>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;</p> <p>- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ thuốc dùng cho động vật.</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p> <p>- Thông tư 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.</p>

		<p>phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <p>+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, Chi cục Chăn nuôi và Thú y quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>				
20	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại Điều 53, Luật Thú y:</p> <p>+ Trong thời hạn 01</p>	Bộ phận một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	<p>- Mục III Thông tư số 285/2016/T T-BTC;</p> <p>- Phụ lục 2</p>	<p>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm</p>

		<p>ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch</p>			<p>Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/T T-BTC</p>	<p>động vật thủy sản;</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p>
21	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	<p>- Phí kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở ấp trứng,</p>	<p>- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.</p> <p>- Thông tư số 285/TT-BTC ngày 14/11/2016</p>

		<p>- 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY</p>		<p>sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần.</p> <p>- Phí kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;</p>	<p>của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p>
--	--	--	--	---	---

					chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.	
Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật						
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 13 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).	Bộ phận một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Lệ phí: 500.000 đồng	- Điều 42 Luật Trồng trọt 2018; - Điều 4, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón. - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp;
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi	Bộ phận một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	200.000 đồng	- Điều 42 Luật Trồng trọt 2018; - Điều 4, Điều 13, Điều 16, Điều 17, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón. - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp;

		nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).				
24	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	- 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).	Bộ phận một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp & PTNT	Không	- Điều 49 Luật Trồng trọt 2018; - Điều 4, Điều 24, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
25	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- Cấp quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 25 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ). - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở.	Bộ phận một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp & PTNT	Không quy định	- Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 24 Luật Trồng trọt 2018; - Khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về Giống cây trồng và canh tác;
Thủ tục hành chính thẩm quyền chung cho 4 Chi cục Chi cục Chăn nuôi Thú y, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Thủy sản, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản						
26	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ).	- Đối với Chi cục Chăn nuôi Thú y: Trung tâm Phục vụ	- Chi cục Chăn nuôi Thú y. - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực	- Thẩm định xếp loại lần đầu: 700.000 đồng/ cơ sở/ lần; - Thẩm định	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định việc kiểm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

			Hành chính công. - Bộ phận một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. - Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản. - Bộ phận một cửa Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	vật. - Chi cục Thủy sản. - Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	đánh giá định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đồng/ cơ sở/ lần. - Thẩm định xếp loại lần đầu: 700.000 đồng/ cơ sở/ lần; - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đồng/ cơ sở/ lần.	- Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
27	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ).				
28	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ).			Không	
29	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- 03 ngày làm việc kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP			30.000 đồng /lần/ người	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018

						của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
Thủ tục hành chính thẩm quyền chung cho 2 Chi cục Thủy sản, Chi cục Kiểm lâm						
30	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày	- Bộ phận một cửa Chi cục Thủy sản. - Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm.	- Chi cục Thủy sản - Chi cục Kiểm lâm	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.
Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình						
31	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42, Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP)	- Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh: + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. - Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh: + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ XD quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự

32	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 điều 1 Nghị định số 4/2017/NĐ-CP)	- Tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: Không quá 20 ngày.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Theo quy định của Bộ Tài chính.	toán XDCT.
33	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9,10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)	- Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá 30 ngày. - Đối với các công trình còn lại: không quá 20 ngày.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Theo quy định của Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án ĐTXD; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ về Quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với TP Đà Nẵng - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán XDCT.

II. Thủ tục hành chính bãi bỏ:

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
	Lĩnh vực Chăn nuôi Thú y	
1	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Quyết định số 2033/QĐ-BNN-CN ngày 04/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền Chi cục Chăn nuôi và Thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	
3	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	
4	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT
6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
7	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
8	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	
9	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	
10	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	
11	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh	

	động vật trên cạn	
12	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
13	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)	
14	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
15	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
16	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	
17	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh	
18	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	
19	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; động vật thủy sản biểu diễn nghệ thuật	
	Lĩnh vực Trồng trọt và BVTV	
20	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	- Luật Trồng trọt 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân	- Luật Trồng trọt 2018;

	bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
23	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
24	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
25	Thủ tục chứng nhận huấn luyện chuyên môn về thuốc Bảo vệ thực vật	- Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định.
26	Thủ tục gia hạn giấy chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa	- Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định.
Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm và Thủy sản		
27	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	- Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp &PTNT.
28	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	
29	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	
30	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	
Lĩnh vực Thủy sản		
31	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES.	- Quyết định số 818 /QĐ-BNN-TCLN ngày 08 / 3 /2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp &PTNT.
32	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở NTTS, tàu cá có chiều dài lớn nhất 15m trở lên, cảng cá.	- Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp &PTNT.
33	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở NTTS, tàu cá có chiều dài	

	lớn nhất 15m trở lên, cảng cá (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	
34	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở NTTS, tàu cá có chiều dài lớn nhất 15m trở lên, cảng cá (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	- Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp &PTNT.
35	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất tại cơ sở NTTS, làm việc trên tàu cá có chiều dài lớn nhất 15m trở lên, cảng cá.	
Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình		
36	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B, C sử dụng vốn nhà nước.	- Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
37	Thủ tục thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán (trường hợp thiết kế ba bước) công trình từ cấp II trở xuống, sử dụng vốn ngân sách nhà nước; công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; công trình dưới cấp III, sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.	
38	Thủ tục thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình từ cấp II trở xuống, sử dụng vốn ngân sách nhà nước; công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; công trình dưới cấp III, sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.	
39	Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng vốn nhà nước.	
40	Thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình từ cấp II trở xuống; sử dụng vốn khác.	

41	Thủ tục thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước) công trình công cộng cấp II, cấp III, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng; sử dụng vốn khác.	- Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng.
42	Thủ tục thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình công cộng cấp II, cấp III, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng; sử dụng vốn khác.	
43	Thủ tục thẩm định thiết kế của báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình từ cấp II trở xuống; sử dụng vốn khác.	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Chuyển đổi đất trồng lúa, làm muối năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản	Quyết định số 224/199/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển kinh tế thủy sản từ năm 1999-2010.
2	Thủ tục Xây dựng công trình cầu cống dân sinh	Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP, ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành danh mục TTHC trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT
3	Thủ tục Cấp bù thủy lợi phí	
4	Thủ tục Xác nhận hồ sơ chuyển đổi chạt lọc trong sản xuất muối	
5	Thủ tục Hỗ trợ kinh phí cho các hộ chuyển đổi diện tích làm muối sang nuôi trồng thủy sản và làm màu của các xã, thị trấn	
6	Thủ tục Xác nhận hồ sơ về việc xin hỗ trợ kinh phí sản xuất giống thủy sản cho các trại sản xuất giống	
7	Thủ tục Thẩm định hồ sơ dự án hỗ trợ và phát triển sản xuất.	
8	Thủ tục gia hạn cấp giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu cá có tổng công suất máy chính dưới 20CV hoặc tàu cá không lắp máy nhưng có chiều dài thiết kế dưới 15 m	
9	Thủ tục cấp lại cấp giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu cá có tổng công suất máy chính dưới 20CV hoặc tàu cá không lắp máy nhưng có chiều dài thiết kế dưới 15 m	
10	Thủ tục đổi và cấp lại sổ danh bạ thuyền viên tàu cá thực hiện đối với tàu cá có tổng công suất máy chính dưới 20CV hoặc tàu cá không lắp máy nhưng có chiều dài thiết kế dưới 15 m	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BAN HÀNH MỜI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật					
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và đầy đủ)	Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	- Điều 56 Luật Trồng trọt 2018; - Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về Giống cây trồng và canh tác.

2. Thủ tục hành chính bãi bỏ:

TT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực PTNT	
1	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	+ Quyết định 1025/QĐ-BNN-KTHT, ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	+ Quyết định 1025/QĐ-BNN-KTHT, ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	+ Quyết định 1025/QĐ-BNN-KTHT, ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT